TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỮU LŨNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16-4-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đạt.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Xuân Tuấn.
2. Bà Lê Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Lý Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 49/2025/TLST-HNGĐ ngày 05/3/2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/3/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08/4/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 2005, địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Anh P, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 04/3/2025 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích H và anh Nguyễn Anh P kết hôn năm 2024 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu nhau, không bị ai ép buộc, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường

xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống không có tiếng nói chung, do cách biệt về tuổi tác nên thường khắc khẩu, thường xuyên xảy ra cãi vã; mỗi lần mâu thuẫn, anh Nguyễn Anh P lại chửi bới, xúc phạm, đe dọa đánh chị, có lần anh Nguyễn Anh P còn đánh chị nhưng do thương tích nhẹ nên chị không đi điều trị tại cơ sở y tế nào, cuộc sống vợ chồng thường xuyên căng thẳng, không hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân kể từ ngày 31/5/2024 đến nay, không chung sống cùng nhau nữa; chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở tổ dân phố H, phường H, thị xã V, tỉnh Bắc Giang sinh sống. Vợ chồng không còn tình nghĩa, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc nhau, đời sống chung không hề tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Nguyễn Thị Bích H xác định không còn tình cảm vợ chồng, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Anh P.

Về con chung, vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Bích H1, sinh ngày 22/10/2024. Hiện nay, cháu Nguyễn Thị Bích H1 đang ở cùng chị Nguyễn Thị Bích H tại tổ dân phố H, phường H, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Bích H1 đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị yêu cầu anh Nguyễn Anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Anh P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Anh P và chị Nguyễn Thị Bích H kết hôn năm 2024 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn, vợ chồng được tự do tìm hiểu nhau, không bị ai ép buộc, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị Nguyễn Thị Bích H thường xuyên ngoại tình với nhiều người đàn ông khác, không chung thủy với anh, anh đã nhắc nhở nhiều lần nhưng chị Nguyễn Thị Bích H không nghe; ngoài ra, chị Nguyễn Thị Bích H cũng không chịu về nhà anh để làm dâu; gia đình nhà ngoại cũng khinh thường anh, dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên căng thẳng, không hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân kể từ tháng 6/2024 đến nay, không chung sống cùng nhau nữa; chị Nguyễn Thị Bích H chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở tổ dân phố H, phường H, thị xã V, tỉnh Bắc Giang sinh sống. Vợ chồng không còn tình nghĩa vợ chồng, không còn thương yêu nhau. Nay anh xác định vẫn còn chút tình cảm vợ chồng, chị Nguyễn Thị Bích H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh không nhất trí.

Về con chung, vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Bích H1, sinh ngày 22/10/2024. Hiện nay, cháu Nguyễn Thị Bích H1 đang ở cùng chị Nguyễn Thị Bích H tại tổ dân phố H, phường H, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị Nguyễn Thị Bích H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Bích H1 đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi; yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung trưởng

thành, đủ 18 tuổi, anh đồng ý. Hiện nay, anh đang làm lái xe tại Tiểu đoàn vận tải D577, Cục Hậu cần thuộc Quân chủng Phòng không Không quân, thu nhập hàng tháng của anh được khoảng 7.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Bích H giao nộp cho Tòa án 01 đơn xin xác nhận, có xác nhận của Tổ trưởng Tổ dân phố H và Ủy ban nhân dân phường H, thị xã V, tỉnh Bắc Giang, thể hiện chị Nguyễn Thị Bích H hiện đang sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ ở tổ dân phố H, phường H, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Ngoài ra, chị Nguyễn Thị Bích H còn giao nộp Giấy xác nhận số dư tài khoản, thể hiện tại thời điểm ngày 14/3/2025, số dư trong tài khoản của chị Nguyễn Thị Bích H là 300.051.520đ (ba trăm triệu, không trăm năm mươi mốt nghìn, năm trăm hai mươi đồng).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật, quan điểm đề nghị giải quyết vụ án như sau:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với ý kiến về việc giải quyết vụ án, căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích H, xử cho chị Nguyễn Thị Bích H được ly hôn anh Nguyễn Anh P. Chị Nguyễn Thị Bích H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Bích H1, sinh ngày 22/10/2024 cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi; anh Nguyễn Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi; anh Nguyễn Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung, các đương sự không có yêu cầu, không xem xét giải quyết. Về án phí, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; bị đơn anh Nguyễn Anh P phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Anh P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Chị Nguyễn Thị Bích H có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung nên xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Anh P có nơi cư trú tại thôn B, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; theo quy định tại khoản 1 Điều 28, các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai, chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu do Toà án thu thập, có đủ cơ sở để xác định: Chị Nguyễn Thị Bích H và anh Nguyễn Anh P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn và tổ chức hôn lễ trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Bích H và anh Nguyễn Anh P là hoàn toàn hợp pháp.

[4] Về mâu thuẫn vợ chồng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Theo nguyên đơn trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống do cách biệt về tuổi tác, trong cuộc sống không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã; mỗi lần mâu thuẫn, anh Nguyễn Anh P lại chửi bới, xúc phạm, đe dọa và đánh chị. Theo bị đơn trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn do chị Nguyễn Thị Bích H thường xuyên ngoại tình với nhiều người đàn ông khác, không chung thủy với anh, anh đã nhắc nhở nhiều lần nhưng chị Nguyễn Thị Bích H không nghe; ngoài ra, chị Nguyễn Thị Bích H cũng không chịu về nhà anh để làm dâu; gia đình nhà ngoại cũng khinh thường anh, dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên căng thẳng, không hạnh phúc.

[5] Mặc dù nguyên đơn và bị đơn trình bày không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng; tuy nhiên cả hai đều xác nhận cuộc sống vợ chồng thường xuyên căng thẳng, không hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân từ tháng 6/2024 cho đến nay, không chung sống cùng nhau nữa; chị Nguyễn Thị Bích H chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở tổ dân phố H, phường H, thị xã V, tỉnh Bắc Giang sinh sống. Vợ chồng không còn tình nghĩa vợ chồng, không còn thương yêu nhau.

[6] Điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, quy định:

"3. *"Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* là thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ: ***Vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ chồng sống ly thân,....***"

[7] Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được; vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích H và anh Nguyễn Anh P có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Bích H1, sinh ngày 22/10/2024. Xét thấy, hiện nay cháu Nguyễn Thị Bích H1 đang sinh sống cùng mẹ tại tổ dân phố H, phường H, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; cháu Nguyễn Thị Bích H1 sinh ngày

22/10/2024, tại thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 16/4/2025) mới được 05 tháng 25 ngày tuổi; cháu còn rất nhỏ, cần có sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của người mẹ; hồ sơ vụ án cũng thể hiện chị Nguyễn Thị Bích H có đủ điều kiện về tài chính để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu phát triển bình thường như những đứa trẻ khác. Trong quá trình giải quyết, anh Nguyễn Anh P cũng trình bày rằng trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh nhất trí để chị Nguyễn Thị Bích H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Bích H1 đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Do đó, cần giao cháu Nguyễn Thị Bích H1 cho chị Nguyễn Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

[9] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết, anh Nguyễn Anh P nhất trí rằng trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Xét thấy, hiện nay, anh Nguyễn Anh P đang công tác tại Tiểu đoàn vận tải D577, Cục Hậu cần thuộc Quân chủng Phòng không Không quân, thu nhập hàng tháng của anh Nguyễn Anh P được khoảng 7.000.000 đồng, đủ điều kiện để cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích H về việc anh Nguyễn Anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật để nộp ngân sách Nhà nước.

[12] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đối với quan điểm về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đã đưa ra các nhận định, đánh giá phù hợp với đường lối giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[13] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Bích H được ly hôn anh Nguyễn Anh P.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 14, đăng ký ngày 20/3/2024 tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích H và anh Nguyễn Anh P có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Bích H1, sinh ngày 22/10/2024.

Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Bích H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị Bích H1 đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Anh Nguyễn Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/01 tháng cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung, khoản nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Nguyễn Thị Bích H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005007 ngày 05/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Án phí cấp dưỡng: Bị đơn anh Nguyễn Anh P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Văn Đạt